

MA TRẬN TOÁN CUỐI HỌC KÌ 1 KHỐI 5 NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG TH NGUYỄN THÁI HỌC

Nhận biết (Mức 1)

A. SỐ HỌC

I/ Trắc nghiệm:

Câu 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

$$23,721 \times 100 =$$

- a. 0,23712 b. 2,3712 c. 237,21 d. 2372,1

Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

$$28,07 : 100 =$$

- a. 2,807 b. 0,2807 c. 280,7 d. 2807

Câu 3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

$$30,25 \times 0,001 =$$

- a. 0,03025 b. 0,3025 c. 3025 d. 30250

Câu 4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

$$7,048 : 0,01 =$$

- a. 0,07048 b. 0,7048 c. 704,8 d. 70,48

Câu 5. Phân số $\frac{3}{4}$ được viết dưới số thập phân là:

- a. 3,4 b. 0,75 c. 0,34 d. 7,5

Câu 6. Giá trị chữ số 6 trong số 24,186 là:

- a. 0,6 b. 0,06 c. 0,006 d. 6

Câu 7. Chữ số 2 trong số thập phân 34,246 có giá trị là :

- a. 2 đơn vị b. $\frac{2}{10}$ c. $\frac{2}{100}$ d. $\frac{2}{1000}$

Câu 8. Số 1,25 viết dưới dạng tỉ số % là:

- a. 0,125% b. 1,25% c. 12,5% d. 125%

Câu 9: Số bé nhất trong các số 4,057; 4,075; 4,750; 4,570 là:

- a. 4,057 b. 4,075 c. 4,750 d. 4,570

Câu 10: Hai số tự nhiên liên tiếp điền vào chỗ chấm < 125, 7 <

- a. 124 và 125 b. 125 và 126 c. 126 và 127 d. 127 và 128

Câu 11: Số thập phân “năm đơn vị, ba phần nghìn” được viết là:

- a. 5,3 b. 5,03 c. 5,003 d. 5,0003

Câu 12: Hỗn số $3\frac{4}{5}$ được viết thành số thập phân nào sau đây:

- a. 3,75 b. 3,57 c. 3,8 d. 3,85

Câu 13 : Tổng của 35,8 và 5,43 là:

- a. 90,1 b. 9,01 c. 40,23 d. 41,23

Câu 14 : Hiệu của 64,19 và 43,78 là:

- a. 21,41 b. 20,31 c. 20,41 d. 21,31

Câu 15: Tích của 64,9 và 3,78 là:

- a. 245,322 b. 245322 c. 2453,22 d. 24532,2

Câu 16: Thương của 9,7512 và 4,78 là:

- a. 2,4 b. 2,04 c. 24 d. 240

Câu 17 : Số 500,0700 được viết gọn là:

- a. 5,7 b. 500,7 c. 500,07 d. 5,07

Câu 18: Tìm 25% của 40 được viết là :

- a. $25: 100 \times 40$ b. $40: 100 \times 25$ c. $40: 25 \times 100$ d. $25: 40 \times 100$

Câu 19: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. $48,7 \times 0,1 = 487$ ☐

b. $8,79 : 0,01 = 879$ ☐

II. Tự luận:

Bài 1. Đặt tính rồi tính :

$145,6 + 39,9$	$154,45 - 117,96$	$2,6 \times 37$	$427,8 : 46$
$96,47 + 523,42$	$567,43 - 87,98$	$5,6 \times 2,7$	$5,7 : 15$
$56,579 + 47,965$	$32,21 - 9,74$	$0,47 \times 6,8$	$152 : 40$
$457,6 + 25,8 + 9,7$	$561,92 - 25,98$	$3,47 \times 0,9$	$1755 : 4,5$

Bài 2: Đặt tính, rồi tính.

- a. $8,27 - 3,68$ b. $51,9 - 3,7$ c. $68,72 - 29,91$ d. $42,13 - 35,5$
e. $471,4 - 25,34$ f. $485,27 - 38,527$ g. $8522 - 24,12$

Bài 3: Đặt tính, rồi tính.

- a. $9,578 \times 2,5$ b. $624 \times 6,72$ c. $0,38 \times 7,98$ d. $550,7 \times 154$
e. $23,2 \times 4,73$ f. $8,76 \times 34,8$ g. $6,78 \times 30,7$ h. $5,4753 \times 7,003$

Bài 4 Đặt tính, rồi tính.

- a. $72,58 : 19$ b. $702 : 7,2$ c. $17,55 : 3,9$ d. $882 : 36$
e. $18,792 : 3,24$ f. $16,524 : 4,86$ g. $3610,88 : 896$

Câu 5. Tìm X biết :

a. $X + 3,86 = 17,52$

b. $X - 25,79 = 153,87$

c. $4,35 \times X = 12,18$

d. $X : 5,7 = 14,9$

Câu 6: Tính giá trị biểu thức

a. $3,4 + 5,6 \times 3,7$

b. $75 : 15 \times 1,72$

c. $47,2 - 61,35 : 15$

d. $34,2 \times 5,6 - 9,12$

Bài 6 : Viết thành tỉ số %: 0,35; 1,76; 0,8 ; 3

Bài 7: Viết tỉ số phần trăm dưới dạng số thập phân:

45%; 6%; 625%; 14,8%

Bài 8: Tính nhẩm:

a. $1,48 \times 10$

b. $24,56 \times 100$

c. $58,4 \times 0,1$

d. $602,7 \times 0,001$

Bài 9: Điền dấu (< ; > ; =) thích hợp vào chỗ trống:

a. 9,563 9,559

b. 64,3 64,300

c. 15,86 15,9

d. 45,70 44,79
